TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 26/2024/QĐST-HNGĐ	*Châu Thành, ngày 05 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân thụ lý số: 131/2023/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 11 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1996.
Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 2000.
Địa chỉ: ấp X, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26/01/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1996. Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh với anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 2000. Địa chỉ: ấp X, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh Vinh.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn T1 tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về con chung tên*: Nguyễn Văn T2, sinh ngày 10/8/2022 hiện đang sống chung với chị T. Tại phiên hòa giải chị T và anh T1 tự nguyện thỏa thuận về quyền

nuôi dưỡng con như sau: chị Nguyễn Thị Cẩm T được quyền nuôi dưỡng tên Nguyễn Văn T2, sinh ngày 10/8/2022.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Các đương sự chưa đặt ra yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con, nên Toà án không xem xét.

- *Về tài sản chung; Về nợ chung*: Tại phiên hòa giải chị T và anh T1 cho rằng không có, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: chị Nguyễn Thị Cẩm T tự nguyện nộp 150.000 đồng nhưng được trừ qua số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0018830, ngày 14/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Hoàn trả lại cho chị T 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí, anh Nguyễn Văn T1 không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *VKSND huyện;*
- *Tòa án tỉnh;*
- *CCTHA huyện;*
- *UBND xã, thị trấn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

Thẩm phán

Lê Thị Trúc Linh